

Bản án số: 68/2022/HC-PT
Ngày 09/3/2022
V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 208/2021/TLPT-HC ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông X, bà M: Ông Đỗ Anh T. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H - Chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc T - Chức vụ: Phó chủ tịch, vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk,

vắng mặt có đơn xử vắng mặt

Người kháng cáo: Ông Đỗ Anh T; ông Đoàn Ngọc T; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Quyết định số 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; địa chỉ: 119 Đường N, phường T, thành phố B không công nhận nội dung đơn khiếu nại giữ nguyên toàn bộ Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ N, phường T, thành phố B. Ông X, bà M không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại bằng tính kinh phí bồi thường cho gia đình ông, bà bởi những lý do sau:

Thứ nhất: Căn cứ theo Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xác vị trí thửa đất số 164, Tờ bản đồ 39, Vị trí đất thuộc hẻm cấp 1, Loại 1 với số tiền 4.996.800đồng/1m² là không đúng vì thửa đất của chúng tôi là đất mặt tiền Đường N, việc nhà nước bồi thường thửa đất trên theo giá đất hẻm là chưa chính xác. Về nguồn gốc sử dụng đất, ông X, bà M nhận sang nhượng lại diện tích đất và căn nhà trên đất vào năm 1991 có nguồn gốc đã làm nhà ở có căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1971 của ông Chổng Tắc P và bà Chứng Ứng M. Nhưng trong Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất không hề đề cập là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật quy định nguồn gốc đất ở trước 18/12/1980 theo điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số: 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai: Căn cứ theo Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xác định về việc Bồi thường đất trồng cây lâu năm có diện tích 532,2m² với giá 900.000 đồng là không đúng điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số: 36/2014/QĐ- UBND ngày 17/10/2014 của Ủy ban nhân dân Đắk Lắk và Diện tích đất không bồi thường 70,6m² áp dụng Điều 82 Luật đất đai năm 2013 là không đúng. Vì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 360688 ngày 16/03/2010 của UBND thành phố B không có ghi chú quy hoạch gì trên thửa đất số 73, tờ bản đồ số: 39.

Thứ ba: Căn cứ theo Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất xác định tại Mục b nhà xây dựng năm 2011 (có giấy phép xây dựng tạm) nên không bồi thường là không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vì theo Giấy phép xây dựng ngày 23/3/2011 của UBND thành phố B quy định công trình được tồn tại tới thời hạn nhà nước thực hiện quy hoạch chứ không có dòng chữ nào ghi chú là không được bồi thường nhà khi nhà nước thu hồi đất. Như vậy, việc UBND thành phố B thu hồi đất có nhà ở xây dựng hợp pháp thì phải hỗ trợ 60% theo điểm a, b, khoản 4 tại Mục 23 Hỗ trợ khác quy định tại Điều 1 của Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất khi bị nhà nước thu hồi đất ông X, bà M đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc ứng M; hủy một phần Quyết định số 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ N, phường T, thành phố B và tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác định lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 26/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 9787/QĐ-UBND về việc thu hồi 902,8m² đất của hộ gia đình ông Ngô Quốc X và Lạc Ứng M sử dụng đất tại phường T, thành phố B và Quyết định số 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ thủy lợi N, phường T, thành phố B (đợt 17).

Đối với Quyết định số 9787/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND thành phố B về việc thu hồi 902,8m² đất của hộ ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M sử dụng đất tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình Hồ thủy lợi N, thành phố B được thực hiện đúng quy trình, đúng với khoản 1 Điều 75 Luật đất đai số 45/QH13 ngày 29/11/2013; giá bồi thường, hỗ trợ về đất đúng với Quy định tại Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Việc xác định thửa đất số thửa đất số 164, tờ bản đồ 39 là đất thuộc hẻm cấp 1, loại 1 là do có một phần diện tích đất theo hiện trạng là ngõ đi từ phía đường N vào nhà, phần đất này nằm ngoài giấy CNQSD đất, tại hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất diện tích đất này đều thể hiện là hẻm nên UBND thành phố B không bồi thường thửa đất trên là đất mặt tiền Đường N là đúng quy định.

Về nhà ở: Năm 2011, ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M được UBND thành phố B cấp Giấy phép xây dựng tạm căn nhà cấp 4, trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 39, phường T. Trong đó, quy định căn nhà được tồn tại đến khi Nhà nước thực hiện dự án. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì hộ dân phải tự tháo dỡ, căn nhà không được bồi thường là đúng quy định.

Về tái định cư: Hộ ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M đủ điều kiện để giao 02 lô đất tái định cư. Các ngành chuyên môn thuộc UBND thành phố B đã nhiều lần mời ông X và bà M bốc thăm chọn vị trí tái định cư, ông X có tham gia nhưng chưa đồng ý bốc thăm chọn lô tái định cư.

Sau khi UBND thành phố ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M có đơn khiếu nại về Quyết định thu hồi đất số 9787/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 và Quyết định phê duyệt phương án số 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND thành phố B. Qua đó,

ngày 14/9/2020 UBND thành phố B đã có Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông X, bà M. Sau đó ngày 30/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8268/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy quyết định 6714/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 với lý do chưa tổ chức họp đối thoại. Ngày 27/11/2020, UBND thành phố B tổ chức họp đối thoại với bên nguyên đơn sau đó ban hành Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của ông X, bà M.

Trong thửa đất của ông X, bà M có diện tích 70,6 m² là đất giao thông thuộc hẻm N nên không được bồi thường là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số:18/2021/HC-ST, ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định.

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng khoản 1, Điều 75 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 62, 63, 64, 65, 66 Luật xây dựng 2003 (sửa đổi bổ sung 2009); khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M. Buộc UBND thành phố B phải bổ sung phương án bồi thường phần đất 70,6 m² sau khi trừ lộ giới giao thông cho ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M về việc yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác định lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/4/2021, người khởi kiện là ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M (sau đây gọi là Người Khởi kiện) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện; kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ toàn bộ Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M;

Ngày 07/5/2021, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột (sau đây gọi là Người bị kiện) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện;

Ngày 06/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 448/QĐ-VKS-HC kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC –ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M về việc hủy một phần Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác nhận lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện, Người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, đề nghị sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm, chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện, Người bị kiện; Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện; không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện; chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án hành chính sơ thẩm; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M về việc hủy một phần Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác nhận lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người khởi kiện có kháng cáo, Người bị kiện có kháng cáo đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác nhận lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M và hủy một phần Quyết định số 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B; Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị hủy một phần Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác nhận lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật; Kháng cáo của Người bị kiện yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện thì thấy:

[2.1]. Để thực hiện dự án xây dựng công trình: Hồ thủy lợi N, phường T, thành phố B (đợt 17). Ngày 26/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9787/QĐ-UBND thu hồi 902,8m² (trong đó 300m² đất ở đô thị, 532,2m² đất trồng cây lâu năm và 70,6m² đất giao thông thuộc toàn bộ thửa đất số 164, tờ bản đồ 39 của hộ gia đình ông Ngô Quốc X và Lạc Ứng M đang sử dụng tại phường T, thành phố B. Ngày 26/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9782/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi N, phường T, thành phố B (đợt 17). Theo Quyết định này thì hộ gia đình ông Ngô Quốc X được bồi thường 300m² đất ở đô thị, 532,2m² đất trồng cây lâu năm. Không đồng ý với việc bồi thường theo theo quyết định 9782/QĐ-UBND, ông X đã khiếu nại với các nội dung: Không đồng ý với mức bồi thường của thửa đất số 73 (số mới là 164), tờ bản đồ số 39 tọa lạc ở phường T, thành phố B theo mức giá của đất hẻm cấp 1, loại 1 với giá tiền 4.996.800đ/m² vì thửa đất của ông, bà là đất mặt tiền đường N; không đồng ý với giá bồi thường đất trồng cây lâu năm với giá tiền 900.000đ/m²; UBND bồi thường cho ông, bà còn thiếu 70,6 m² so với GCN QSD đất mà ông bà đã được cấp; không đồng ý việc UBND thành phố không bồi thường căn nhà trên đất vì căn nhà trên đã được cấp giấy phép xây dựng tạm. Qua nhiều lần giải quyết khiếu nại, ngày 11/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8488/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M, không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M.

[2.2]. Xét nội dung Quyết định số 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B thì thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cụ thể là: Đơn xin trình bày nguồn gốc đất ở, nhà ở của ông Ngô Quốc X (bút lục 110); biên bản xác định ranh giới sử dụng đất đô thị, có chữ ký xác nhận củ ông X (bút lục 109); giấy sang nhượng nhà viết tay giữa bên bán là ông Chổng Tắc Phí, bà Chương Trường M với bên mua là bà Lạc Vĩnh Chương (có vẽ sơ đồ thửa đất kèm theo) (bút lục 108); đơn xin xác nhận số nhà của ông Ngô Quốc X (bút lục 105); phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính (bút lục 104); GCN QSD đất số BA 360688 ngày 16/3/2010 cấp cho hộ ông Ngô Quốc X (bút lục

138); trích lục bản đồ địa chính số 4231 ngày 02/10/2018; đơn xin cấp GCN QSD đất ngày 22/11/2005 (bút lục 111) tất cả các giấy tờ trên đều do ông X khai hoặc ký tên xác nhận đều thể hiện thửa đất số 73 (số mới là 164), tờ bản đồ số 39 là đất thuộc hẻm N. Do vậy, việc UBND thành phố B bồi thường thửa đất trên cho ông X, bà M theo giá của đất hẻm cấp 1, loại 1, đồng thời bồi thường diện tích đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1, tổ dân phố 9, phường T, thành phố B là có căn cứ và phù hợp với Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Theo Giấy CNQSD đất số BA 360688 ngày 16/3/2010 cấp cho hộ ông Ngô Quốc X thì thửa đất số 73 (số mới là 164), tờ bản đồ số 39 thì thửa đất trên có diện tích 932,9m² (trong đó: 300m² là đất ở đô thị và 632,9 m² là đất trồng cây lâu năm). Tuy nhiên, tại biên bản xác minh nguồn gốc sử dụng đất tại phường T ngày 20/11/2019 (bút lục 142) và trích lục bản đồ địa chính số 4231 ngày 02/10/2018 (bút lục 141) thể hiện diện tích sử dụng đất thực tế của thửa đất số 73 (số mới là 164), tờ bản đồ số 39 của hộ ông X, bà M là 902,8 m², trong đó: 300m² là đất ở đô thị và 532,2 m² là đất trồng cây lâu năm (bao gồm 70,6 m² thuộc hẻm nằm ngoài GCN QSD đất). Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì *“Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”*.

[2.3]. Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông X đo đạc thực tế là 902,8 m² nhỏ hơn diện tích theo Giấy CNQSD đất (diện tích trong Giấy CNQSD đất 932,9m²) trong đó có phần diện tích 70,6 m² chưa được xem xét bồi thường nên Bản án sơ thẩm buộc UBND thành phố B bồi thường bổ sung cho ông X, bà M diện tích 70,6 m² là có căn cứ, bởi lẽ: Đối với diện tích đất này UBND thành phố B cho rằng đây là đất thuộc đường giao thông nên không được đền bù. Tuy nhiên, UBND thành phố B cũng xác định diện tích đất này do hộ ông X, bà M sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước đến nay. Ngoài ra, UBND thành phố B cũng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh cho việc diện tích đất trên là lỗi đi chung của nhiều hộ gia đình. Do đó, phần lỗi vào thửa đất số 73 (nay là thửa 164), tờ bản đồ 39 có chiều dài khoảng 14 m, sau khi trừ lộ giới giao thông (lộ giới đường 08 m tính từ tim đường N) phải được bồi thường theo quy định của pháp luật. Diện tích đất này cũng thuộc thửa đất thửa đất số 73 (số mới là 164 và cũng chỉ có hộ ông X sử dụng từ trước cho đến khi có Quyết định thu hồi, nếu cộng ca diện tích 70,6 m² này thì cũng nhỏ hơn diện tích đất hộ ông X được cấp Giấy CNQSD đất diện tích 932,9m²/ 902,8 m² (300m² là đất ở đô thị và 532,2 m² là đất trồng cây lâu năm, 70,6 m²). Bản án sơ thẩm buộc UBND thành phố B phải bổ sung phương án bồi thường phần đất 70,6 m² (sau khi trừ lộ giới giao thông) là phù hợp và không cần thiết phải phải hủy Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B là phù hợp với thực tế.

[1.4]. Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố B phải đền bù căn nhà cấp 4, trên thửa đất số 73, tờ bản đồ số 39 của ông X, bà M. HĐXX thấy rằng: Khi hộ ông X xây dựng nhà vào năm 2011 thì được UBND thành phố B cấp

Giấy phép xây dựng tạm vào ngày 23/3/2011. Theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật xây dựng 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009) thì “*Việc xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trong vùng đã có quy hoạch xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện thì chỉ được cấp giấy phép xây dựng tạm có thời hạn theo thời hạn thực hiện quy hoạch*”. Như vậy, tại thời điểm năm 2011 khi ông X, bà M xây nhà thì đã có quy hoạch về việc thu hồi đất nhưng chưa được thực hiện. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 63 Luật xây dựng 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định “*Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này thì trong hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng công trình ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, chủ công trình xây dựng còn phải có giấy cam kết tự phá dỡ công trình khi Nhà nước thực hiện quy hoạch xây dựng*”. Do đó, căn nhà của ông X, bà M thuộc trường hợp không được đền bù khi Nhà nước thu hồi đất.

[2]. Bản án sơ thẩm Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông X, bà M. Buộc UBND thành phố B phải bổ sung phương án bồi thường phần đất 70,6 m² (sau khi trừ lộ giới giao thông). Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M về việc yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác định lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Người khởi kiện và người bị kiện kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của những Người kháng cáo và không chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC –ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên những Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M; Bác đơn kháng cáo của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 448/QĐ-VKS-HC ngày 06/5/2021 của Viện trưởng Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC –ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 62, 63, 64, 65, 66 Luật xây dựng 2003 (sửa đổi bổ sung 2009);

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M. Buộc UBND thành phố B phải bổ sung phương án bồi thường phần đất 70,6 m² sau khi trừ lộ giới giao thông cho ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M về việc yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định số: 8488/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Quốc X và bà Lạc Ứng M; hủy một phần Quyết định số: 9782/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình hồ: N, phường T, thành phố B và tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký xác định lại Bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng với quy định của pháp luật.

3. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Ngô Quốc X, bà Lạc Ứng M mỗi người phải chịu 300 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006771 ngày 04/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006793 ngày 20/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC –ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến